TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:105/ 2020/HNGĐ-ST Ngày: 15-05-2020 V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa chị P và anh M	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Bà Trần Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/04/2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/05/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm 7, xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định. "Vắng mặt".

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 1 xã Đn, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/02/2015 tại UBND phường TX, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 09 năm 2016 thì vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, tính tình không hợp. Kể từ năm 2016 cho đến nay chị P đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Hậu sinh sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị P làm đơn xin ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị P khai nhận vợ chồng không có con chung, hiện nay chị P không có thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị P khai nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay điều kiện công việc bận rộn không đến Tòa án làm việc được nên chị Trần Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

* Anh Nguyễn Văn M Tại bản tự khai có lời khai phù hợp với lời khai của chị P về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị P làm đơn xin ly hôn, anh M cũng nhất trí ly hôn. Và do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh và chị P nhất trí chọn Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu để giải quyết việc ly hôn với chị P.

Về con chung: anh M khai nhận vợ chồng không có con chung, hiện nay chị P không có thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: anh M khai nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hoàn cảnh địa lý xa xôi và điều kiện công việc bận rộn anh M không thường xuyên đến Tòa án làm việc được nên anh Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại tòa án và phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trần Thị P, anh Nguyễn Văn M có ý kiến xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường TX, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước đăng kí kết hôn ngày 06/02/2015 là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh M là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng do tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 09 năm 2016 đến nay, chị P làm đơn xin ly hôn, anh M đồng ý nhưng hai bên xin Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh M đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung và chia tài sản, công nợ: chị P và anh M khai nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị P là nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227; Bộ luật Tố tụng dân sự:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn M.

2. Về án phí dân sự: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Chị Trần Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002053 ngày 21/04/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định:
- VKSND tỉnh+huyện:
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu:
- UBND Phường TX:
- Cấp cho đương sự:
- Lưu hồ sơ:
- Lưu văn phòng:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng